TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 368/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 03 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Thanh Bạch

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hồng Phương

2. Bà Lê Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Hoài – Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1275/2017/TLST-HNGĐ ngày 3 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: đường Đ, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Huỳnh T, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: đường Đ, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp đến Tòa án ngày 19/9/2017 cùng các lời trình bày trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn và 02 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ lâu do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, chồng không quan tâm, chia sẻ công việc với vợ, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mặc dù đã có cảnh báo nhưng chồng vẫn không từ bỏ, và đã có quan hệ sinh lý với người đó. Từ đó, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn được. Nay xác

định tình cảm không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: nguyên đơn yêu cầu được nuôi cả hai con, yêu cầu chồng cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên nếu bị đơn yêu cầu được nuôi 01 đứa con chung thì nguyên đơn cũng đồng ý mỗi người sẽ nuôi 01 đứa con chung. Việc cấp dưỡng sẽ do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp chồng yêu cầu nuôi cả hai đứa và có khả năng nuôi thì chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung và nợ: Đôi bên khai không có nợ, không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung.

Tại Bản tự khai ngày 02/11/2017 cùng các lời trình bày trong quá trình tố tụng, bị đơn là Anh Phạm Huỳnh T trình bày:

Mâu thuẫn vợ chồng đúng như lời vợ trình bày. Bị đơn thừa nhận có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác với lý do: vợ bỏ bê anh, công việc và tiền bạc không đủ nuôi sống gia đình, thiếu thốn tình cảm, vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung. Tuy nhiên, trước khi xảy ra sự việc anh có quan hệ tình cảm như vậy, vợ anh hay đi đêm về muộn, đi công tác xa, có người thứ ba bên ngoài, đâm ra thiếu thốn tình cảm vợ chồng. Anh xác định việc quan hệ tình cảm đó chỉ là qua đường, nhất thời, đã biết lỗi và sẽ từ bỏ. Nay anh vẫn còn tình cảm với vợ, không muốn ly hôn ảnh hưởng đến con cái, yêu cầu Tòa án cho vợ chồng hàn gắn.

Về con chung: bị đơn yêu cầu được nuôi 01 đứa con chung tên Phạm Huỳnh K trong trường hợp phải ly hôn, việc cấp dưỡng sẽ do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Đôi bên khai không có nợ, không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung.

Tại phiên toà mở lần thứ hai, tất cả những người tham gia tố tụng đều vắng mặt. Nguyên đơn có đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, bị đơn có nơi cư trú tại quận Gò Vấp nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt là BLTTDS) Tòa án nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa tham gia phiên tòa xét xử vào các ngày 02/3/2018 và 30/3/2018 nhưng đều vắng mặt; nguyên đơn có yêu cầu được vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập từ năm 2007 nên Luật nội dung áp dụng giải quyết tranh chấp trong vụ án này là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (gọi tắt là LHNGĐ 2000). Đồng thời có vận dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc nuôi dưỡng con chung.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[4] Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48 quyển số 01/2007 đăng ký ngày 12/4/2007 do UBND Phường 1, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên là hôn nhân hợp pháp.

[5] Theo nguyên đơn trình bày mâu thuẫn vợ chồng lớn nhất là do chồng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, mặc dù đã được cảnh báo nhưng chồng vẫn không từ bỏ, và thậm chí đã có quan hệ sinh lý với người đó. Nguyên đơn xác định tình cảm không còn, một khi chồng có quan hệ tình cảm với người khác thì không thể tha thứ được nên cương quyết yêu cầu ly hôn. Nguyên đơn phủ nhận việc bị đơn khai mình có người thứ ba, còn việc đi công tác xa là do công việc. Phía bị đơn thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đúng như lời vợ trình bày, cụ thể là có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng đưa ra lý do bị đơn như vậy là vì vợ bỏ bê anh, công việc và tiền bạc không đủ nuôi sống gia đình, thiếu thốn tình cảm, vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung. Đồng thời, cho rằng trước khi xảy ra sự việc anh có quan hệ tình cảm như vậy, vợ anh hay đi đêm về muộn, đi công tác xa, có người thứ ba bên ngoài, đâm ra thiếu thốn tình cảm vợ chồng. Từ đó, bị đơn cho rằng mình vẫn còn tình cảm với vợ, không muốn ly hôn ảnh hưởng đến con cái, yêu cầu Tòa án cho vợ chồng hàn gắn. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng là điều tiên quyết nhất mà hai bên cần phải tôn trọng và gìn giữ trong hôn nhân. Khi có sự thay đổi về tình cảm, mối quan hệ hôn nhân chỉ có thể tồn tại khi và chỉ khi bên kia chấp nhận sự thay đổi đó. Mặc dù bị đơn xác định việc quan hệ tình cảm đó chỉ là qua đường, nhất thời, đã biết lỗi và sẽ từ bỏ nhưng phía nguyên đơn không chấp nhận, và cũng nêu rõ quan điểm của mình là một khi chồng có quan hệ tình cảm với người khác thì không thể tha thứ được. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[6] Căn cứ Giấy khai sinh số 16 quyển số 01/2002 đăng ký ngày 24/01/2002 và Giấy khai sinh số 111 quyển số 1/2003 đăng ký ngày 24/6/2003 của UBND Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có hai con chung tên Phạm Ngọc K (sinh ngày 28/10/2007) và Phạm Huỳnh K (sinh ngày 20/12/2012). Nguyên đơn yêu cầu được nuôi cả hai con, yêu cầu chồng cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên nếu bị đơn yêu cầu được nuôi 01 đứa con chung thì nguyên đơn cũng đồng ý mỗi người sẽ nuôi 01 đứa con chung. Việc cấp dưỡng sẽ do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp chồng yêu cầu nuôi cả hai đứa và có khả năng nuôi thì chị cũng đồng ý. Bị đơn yêu cầu được nuôi 01 đứa con chung tên Phạm Huỳnh K trong trường hợp phải ly hôn, việc cấp dưỡng sẽ do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung tên Phạm Ngọc K có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận này của các đương sự, giao con chung tên Phạm Ngọc K cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, và giao con chung tên Phạm Huỳnh K cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng sẽ do hai bên tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ: hai bên đương sự khai không nợ ai, không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Ngọc H xin ly hôn Anh Phạm Huỳnh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48 quyển số 01/2007 đăng ký ngày 12/4/2007 do UBND Phường 1, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Phạm Ngọc K (sinh ngày 28/10/2007) cho Chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Phạm Huỳnh K (sinh ngày 20/12/2012) cho Anh Phạm Huỳnh T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Huỳnh T/Chị Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với Chị Nguyễn Thị Ngọc H/Anh Phạm Huỳnh T.

Anh Phạm Huỳnh T/Chị Nguyễn Thị Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp Anh Phạm Huỳnh T/Chị Nguyễn Thị Ngọc H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì Chị Nguyễn Thị Ngọc H/Anh Phạm Huỳnh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của Anh Phạm Huỳnh T/Chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: đương sự khai không có nợ, không yêu cầu Tòa giải quyết tài sản chung.

4. Án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (300000 đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027499 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Chị Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND Phường 1, quận Gò Vấp;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- CCTHADS quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồ Thanh Bạch